

# ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG THỰC TẬP SỰ PHẠM

## STUDENTS' ASSESSMENT ON FACTORS RELATED TO THE PEDAGOGICAL INTERNSHIP QUALITY

Hoàng Thế Hải\*, Lê Thị Hiền

*Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng<sup>1</sup>*

\*Tác giả liên hệ: hthai@ued.udn.vn

(Nhận bài: 25/01/2022; Chấp nhận đăng: 02/6/2022)

**Tóm tắt** - Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định mức độ đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Thông tin đánh giá của sinh viên sẽ giúp nhà trường có những cải thiện để nâng cao chất lượng thực tập sư phạm. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi khảo sát 173 sinh viên tham gia thực tập sư phạm năm học 2020-2021 tại các trường phổ thông và mầm non trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Kết quả cho thấy, yếu tố thuộc về giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập được đánh giá cao nhất, tiếp đến là yếu tố thuộc về sinh viên thực tập, giáo viên phổ thông/mầm non hướng dẫn thực tập. Bối cảnh thực tập được đánh giá ở mức thấp nhất. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề xuất các biện pháp, kiến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên.

**Từ khóa** - Đánh giá; các yếu tố liên quan; thực tập sư phạm; chất lượng thực tập sư phạm; Đà Nẵng.

### 1. Đặt vấn đề

Năng lực sư phạm của sinh viên được hình thành bởi nhiều hoạt động, nhiều môn học, trong đó thực tập sư phạm là một hoạt động quan trọng, là giai đoạn cuối cùng hoàn thành quá trình đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ của sinh viên.

Thực tập sư phạm là một trong những hoạt động quan trọng trong quá trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm. Hoạt động thực tập giúp cho sinh viên làm quen với nghề sư phạm. Thông qua thực tập sư phạm, các kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sinh viên lĩnh hội trong quá trình học tập được vận dụng vào thực tiễn giảng dạy và giáo dục. Mặt khác, thực tập sư phạm giúp cho các trường sư phạm có được những đánh giá tương đối khách quan về sản phẩm đào tạo của mình, nhờ đó có cơ sở để nâng cao chất lượng đào tạo, điều chỉnh nội dung, phương pháp đào tạo sao cho phù hợp với nhu cầu mà các trường phổ thông đặt ra [1].

Chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Một số tác giả nhấn mạnh đến vai trò của người cố vấn, hướng dẫn thực tập; sự chuẩn bị cho hoạt động thực tập của sinh viên và các yếu tố thuộc về bối cảnh thực tập. Manathunga cho rằng, cố vấn thực tập là một công cụ đắc lực giúp cải thiện khả năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên [2]. Lamanauskas cũng nhận định, sự giúp đỡ của người cố vấn và sự tham gia của họ vào quá trình thực tập là rất quan trọng, trong đó năng lực của người hướng dẫn có tầm quan trọng quyết định đến

**Abstract** - The study aims to determine students' evaluation of factors related to the pedagogical internship of students at the University of Danang - University of Science and Education. Their evaluative information helps the school to improve the quality of the internship. The study applied the survey method by examining 173 students who have participated in pedagogical practices in the 2020-2021 school year at high schools and preschools in Danang city. The results show that lecturers' guide to pedagogical activities is the most appreciated, followed by elements of trainees and high schools/preschools teachers. Besides, the context of the pedagogical internship is evaluated at the lowest level. These features are the basis for proposing measures and recommendations to enhance the quality of students' pedagogical internship at the university.

**Key words** - Assessment; related factors; pedagogical internship; pedagogical internship quality; Danang.

kết quả thực tập sư phạm [3]. Nghiên cứu của Autukevičienė cho thấy, yếu tố quan trọng nhất là sự chuẩn bị cho hoạt động thực tập sư phạm của sinh viên, trong đó kiến thức lý thuyết liên quan đến chuyên môn và bối cảnh thực tập sư phạm có ảnh hưởng nhiều nhất [4].

Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) - Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) là một trong bảy trường Sư phạm trọng điểm của cả nước, với quy mô đào tạo hiện nay lên đến 8653 sinh viên, trong đó 4276 sinh viên sư phạm. Hàng năm có khoảng hơn 300 sinh viên sư phạm đến các trường mầm non và phổ thông thực tập nghề nghiệp. Vì vậy, để góp phần nâng cao vị thế là một trong bảy trường trọng điểm sư phạm của cả nước thực hiện trọng trách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; Phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Chính vì vậy, việc nghiên cứu chất lượng thực tập sư phạm và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thực tập của sinh viên có ý nghĩa quan trọng.

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định mức độ đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến hoạt động thực tập sư phạm của sinh viên Trường ĐHSP - ĐHĐN. Thông tin đánh giá của sinh viên là cơ sở khoa học và thực tiễn giúp nhà trường có những cải thiện để nâng cao chất lượng thực tập sư phạm.

<sup>1</sup> The University of Danang - University of Science and Education (Hai The Hoang, Hien Thi Le)

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Thực tập sư phạm

Tác giả My Giang Sơn cho rằng: “Thực tập sư phạm là hình thức tổ chức đưa sinh viên sư phạm về các trường phổ thông để sinh viên vận dụng tri thức chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học sư phạm đã được học ở trường sư phạm, tập làm quen công việc của một giáo viên, qua đó, củng cố, trau dồi thêm về chuyên môn, nghiệp vụ, tình cảm và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp” [5]. Lê Thu Giang định nghĩa: “Thực tập sư phạm là hoạt động vận dụng những tri thức khoa học về chuyên môn, nghiệp vụ của sinh viên vào việc luyện tập giảng dạy và giáo dục học sinh nhằm hình thành năng lực sư phạm của người giáo viên tương lai. Trong lúc thực tập sư phạm, sinh viên tập làm nhiệm vụ của một giáo viên một cách trọn vẹn” [6].

Như vậy, có thể nói: Thực tập sư phạm là hoạt động vận dụng những tri thức khoa học về chuyên môn, nghiệp vụ của sinh viên vào việc luyện tập dạy học, giáo dục học sinh, nhằm hình thành phẩm chất, năng lực sư phạm của một giáo viên tương lai.

### 2.2. Nội dung thực tập sư phạm của sinh viên

Theo quy định của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, thực tập sư phạm được triển khai trong học kỳ 8 (4 tín chỉ), với thời lượng 08 tuần, riêng ngành Giáo dục mầm non là 06 tuần. Nội dung thực tập sư phạm của sinh viên tập trung vào 3 nội dung: Thực tập giảng dạy (lập kế hoạch thực tập giáo dục, dự giờ, giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của học sinh...); Thực tập chủ nhiệm (xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm, thực tập chủ nhiệm trên lớp, thực hành các nghiệp vụ của giáo viên chủ nhiệm...); Dự giờ giảng dạy của sinh viên cùng nhóm chuyên môn [7].

### 2.3. Chất lượng thực tập sư phạm

Chất lượng thực tập sư phạm được hiểu là mức độ đáp ứng được mục tiêu, nhu cầu và sự kỳ vọng của sinh viên đối với hoạt động thực tập, được xác định dựa vào nhận thức hay cảm nhận của sinh viên.

Chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên được thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Hiểu rõ được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên và những yêu cầu cần phải phấn đấu để trở thành giáo viên có năng lực và phẩm chất tốt.

- Nâng cao hiểu biết về đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, tính cách, khả năng học tập của học sinh;

- Nâng cao được kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; khả năng lựa chọn nội dung dạy học phù hợp với độ tuổi và mức độ đòi hỏi về nội dung; Khả năng sử dụng các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh; Khả năng sử dụng được các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh; Khả năng giao tiếp sư phạm và xử lý tình huống sư phạm; Thiết kế và thực hiện một nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng...;

- Nâng cao hiểu biết về thực tiễn giáo dục ở trường phổ thông, cũng như thực tiễn địa phương.

### 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên

Chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm:

- Nhóm yếu tố thuộc về sinh viên: Gồm phẩm chất và năng lực chuyên môn và nghiệp vụ; Nhận thức, thái độ và hành vi đối với hoạt động thực tập sư phạm của sinh viên.

- Nhóm yếu tố thuộc về người hướng dẫn: Có 3 đối tượng trực tiếp hướng dẫn sinh viên trong quá trình thực tập sư phạm gồm: Giảng viên sư phạm giảng dạy các học phần nghiệp vụ, giáo viên hướng dẫn công tác giảng dạy ở trường phổ thông/mầm non và giáo viên hướng dẫn công tác chủ nhiệm ở trường phổ thông. Các yếu tố liên quan tới người hướng dẫn tập trung vào trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy và phương pháp giáo dục của họ, cách hướng dẫn, đánh giá sinh viên, cũng như thái độ của họ đối với sinh viên.

- Nhóm yếu tố thuộc về bối cảnh thực tập sư phạm: Gồm các yếu tố liên quan đến chính sách, văn bản về thực tập sư phạm, cơ sở vật chất, môi trường văn hóa, quy mô lớp học, thái độ của học sinh... .

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Mẫu khảo sát

Số lượng mẫu dự kiến khảo sát được tính theo công thức:  $n = \frac{N}{1+N(e)^2}$ ; Trong đó, n là cỡ mẫu, N là số lượng tổng thể, e là sai số tiêu chuẩn mức 5%. Tổng số sinh viên sư phạm đi thực tập sư phạm là 302 sinh viên, từ đó ta có số mẫu cần điều tra tối thiểu là 172 sinh viên.

Mẫu khảo sát được lựa chọn dựa trên phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện sinh viên năm thứ 4 khóa 2017-2020 đi thực tập sư phạm tại các trường mầm non và các trường phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm học 2020-2021. Tổng số phiếu phát ra là 220 và thu về 179, tiến hành loại bỏ các phiếu không đạt yêu cầu, số phiếu còn lại đưa vào nhập liệu và phân tích là 173. Mẫu khảo sát có các đặc điểm chính như sau: Giới tính: 32 sinh viên nam (18,5%), 141 sinh viên nữ (81,5%); Học lực: 3 sinh viên xếp loại trung bình (12,1%), 77 khá (44,5%), 75 giỏi (43,4%), 18 xuất sắc (10,4%); Cấp thực tập, 21 sinh viên thực tập ở trường mầm non (12,1%), 16 sinh viên thực tập ở trường tiểu học (9,2%), 49 sinh viên thực tập ở trường trung học cơ sở (28,3%), 87 sinh viên thực tập ở trường trung học phổ thông (50,3%).

### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu mức độ đánh giá của sinh viên về các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm, nhóm tác giả sử dụng các phương pháp sau: (1) Nghiên cứu lý thuyết: phân tích và tổng hợp các tài liệu về thực tập sư phạm và các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên. (2) Nghiên cứu thực trạng: Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi phát cho sinh viên.

Bảng hỏi được xây dựng gồm 2 phần: Phần thông tin nhân khẩu học và phần thông tin khảo sát. Sau khi tổng hợp tài liệu và ý kiến từ những kết quả thảo luận nhóm, nhóm tác giả thiết kế thang đo và nghiên cứu mô hình với 4 yếu tố liên quan bao gồm 33 biến quan sát: (1) Giảng viên sư phạm

hướng dẫn thực tập: 7 biến; (2) Giáo viên phổ thông/mầm non hướng dẫn thực tập: 8 biến; (3) Sinh viên thực tập: 6 biến; (4) Bồi cảnh thực tập: 12 biến; và 01 biến tự đánh giá chất lượng thực tập: 10 biến. Các phát biểu về các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập và tự đánh giá về chất lượng thực tập được xây dựng trên Likert 5 điểm (1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Phần nào đồng ý; 4- Đồng ý; 5- Hoàn toàn đồng ý). Sử dụng công thức tính giá trị khoảng cách = (Maximum – Minimum)/n = (5-1)/5 = 0,8 để tính mức độ của các yếu tố liên quan đối với chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên. Điểm càng cao thì nhận được sự đánh giá của sinh viên càng cao; Ngược lại, điểm càng thấp thì nhận được sự đánh giá của sinh viên càng thấp.

Ngoài ra, nhóm tác giả còn sử dụng các thang đo định danh, thang đo thứ bậc để thu thập các thông tin nhân khẩu học của sinh viên như: Giới tính, ngành học, khối trường thực tập.

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy, hệ số Cronbach's alpha của các tiểu thang đo: “Giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập” là 0,97; “Giáo viên phổ thông/mầm non hướng dẫn thực tập” là 0,96; “Sinh viên thực tập” là 0,96; “Bồi cảnh thực tập” là 0,97; và “Chất lượng thực tập sư phạm” là 0,98. Hệ số tương quan của biến tổng hiệu chỉnh đều cao hơn mức cho phép, các hệ số này đều lớn hơn 0,3. Kết quả này cho thấy, các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu này có độ tin cậy cao.

Thông tin thu thập được từ điều tra bằng bảng hỏi được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Các phương pháp xử lý số liệu được sử dụng gồm phân tích độ tin cậy của thang đo, phân tích thống kê mô tả gồm điểm trung bình và độ lệch chuẩn, phân tích thống kê suy luận gồm kiểm định sự khác biệt.

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Đánh giá của sinh viên về các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm

Thực tập sư phạm là một trong những hoạt động quan trọng trong quá trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm. Nghiên cứu này đo lường mức độ đánh giá của sinh viên đối với một số yếu tố có liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm, bao gồm: Giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập; Sinh viên thực tập; Giáo viên phổ thông/ mầm non hướng dẫn thực tập; Bồi cảnh thực tập.

**Bảng 1.** Đánh giá của sinh viên về các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm

Các yếu tố liên quan đến thực tập sư phạm	M	SD
Giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập	4,32	0,96
Giáo viên phổ thông/ mầm non hướng dẫn thực tập	4,18	0,93
Sinh viên thực tập	4,27	0,91
Bồi cảnh thực tập	4,15	0,92

M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn

Bảng 1 cho thấy, bốn yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm được sinh viên đánh giá từ cao nhất đến thấp nhất lần lượt là Giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập ( $M = 4,32$ ,  $SD = 0,96$ ); Sinh viên thực tập ( $M = 4,27$ ;  $SD = 0,91$ ); Giáo viên phổ thông/ mầm non hướng dẫn thực

tập ( $M = 4,18$ ;  $SD = 0,93$ ); Bồi cảnh thực tập ( $M = 4,15$ ;  $SD = 0,92$ ). Điều này cho thấy, sinh viên đánh giá cao đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm.

Các yếu tố cụ thể thuộc các nhóm yếu tố thể hiện như Bảng 2.

**Bảng 2.** Đánh giá của sinh viên về giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập

Các yếu tố thuộc về giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập	M	SD
Có ý thức và trách nhiệm trong hướng dẫn thực tập	4,43	0,995
Có kinh nghiệm hướng dẫn sinh viên thực tập	4,34	1,007
Nhiệt tình, quan tâm, động viên sinh viên trong quá trình thực tập	4,40	0,981
Am hiểu thực tiễn giáo dục ở trường phổ thông	4,34	0,985
Tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên kịp thời, cụ thể và hiệu quả	4,23	1,106
Đánh giá kết quả thực tập khách quan, công bằng	4,27	1,068
Phối hợp chặt chẽ với giáo viên phổ thông hỗ trợ kịp thời và đánh giá sinh viên trong quá trình thực tập sư phạm	4,25	1,085

Kết quả nghiên cứu (Bảng 2) cho thấy, sinh viên đánh giá cao Giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập. Trong đó, các yếu tố được sinh viên đánh giá cao là: “*Có ý thức và trách nhiệm trong hướng dẫn thực tập*” ( $M = 4,43$ ), tiếp theo là “*Nhiệt tình, quan tâm, động viên giáo sinh trong quá trình thực tập*” ( $M = 4,40$ ), sau đó là “*Có kinh nghiệm hướng dẫn sinh viên thực tập*” ( $M = 4,34$ ); Các yếu tố được sinh viên đánh giá thấp hơn là: “*Tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên kịp thời, cụ thể và hiệu quả*” ( $M=4,23$ ), “*Phối hợp chặt chẽ với giáo viên phổ thông hỗ trợ kịp thời và đánh giá sinh viên trong quá trình thực tập sư phạm*” ( $M=4,25$ ).

**Bảng 3.** Đánh giá của sinh viên về giáo viên phổ thông hướng dẫn thực tập

Các yếu tố thuộc giáo viên phổ thông hướng dẫn thực tập	SD	M
Phẩm chất và năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp	4,34	0,990
Có ý thức và trách nhiệm trong hướng dẫn thực tập	4,17	1,053
Có kinh nghiệm trong giảng dạy/làm công tác chủ nhiệm	4,04	1,153
Có kinh nghiệm trong hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm	4,01	1,097
Phân công nhiệm vụ cho các sinh viên cụ thể, rõ ràng.	4,10	1,060
Hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời, cụ thể, chi tiết để sinh viên điều chỉnh	4,18	1,049
Đánh giá công bằng, khách quan, chính xác, đúng năng lực của sinh viên	4,27	1,029
Phối hợp chặt chẽ với giảng viên đại học trong hướng dẫn và đánh giá sinh viên trong quá trình thực tập sư phạm	4,08	1,002

Kết quả nghiên cứu (Bảng 3) cho thấy, sinh viên đánh giá về giáo viên phổ thông hướng dẫn thực tập cao ở các yếu tố: “*Phẩm chất và năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp*” ( $M = 4,34$ ), “*Hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời, cụ thể, chi tiết để SV điều chỉnh*” ( $M = 4,18$ ), “*Có ý thức và trách nhiệm trong hướng dẫn thực tập*” ( $M = 4,17$ )....; Sinh viên đánh giá thấp hơn về giáo viên phổ thông hướng dẫn thực tập ở các yếu tố: Có kinh nghiệm trong hướng dẫn sinh viên

thực tập sư phạm” (M=4,01), “Có kinh nghiệm trong giảng dạy/làm công tác chủ nhiệm” M=4,04) “*sự phối hợp giữa giáo viên phổ thông/mầm non và giảng viên sư phạm trong hỗ trợ và đánh giá sinh viên*” (M=4,08); “*Phân công nhiệm vụ cho các sinh viên cụ thể, rõ ràng*” (M=4,10), “*tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên kịp thời, cụ thể và hiệu quả*” (M=4,18).

**Bảng 4.** Đánh giá của sinh viên về sinh viên thực tập

Các yếu tố thuộc về sinh viên thực tập	SD	M
Yêu nghề, quý mến học sinh, hứng thú khi làm việc với học sinh	4,32	0,946
Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của thực tập sư phạm trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	4,42	0,953
Hiểu rõ các văn bản quy định, hướng dẫn công tác thực tập sư phạm	4,19	1,019
Được chuẩn bị tốt trước khi thực tập sư phạm: Về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, hiểu biết về học sinh và trường phổ thông	4,16	1,037
Chủ động, tích cực tìm kiếm sự hỗ trợ, hướng dẫn từ giảng viên sư phạm và giáo viên ở phổ thông	4,17	1,025
Kiên trì, cố gắng, tích cực trong quá trình thực tập sư phạm	4,39	0,968

Kết quả nghiên cứu (Bảng 4) cho thấy, sinh viên đánh giá cao về thái độ và hành vi đối với hoạt động thực tập thực tập sư phạm của sinh viên. Biểu hiện ở “*Kiên trì, cố gắng, tích cực trong quá trình thực tập*” (M = 4,39), tiếp theo là “*Yêu nghề, quý mến học sinh, hứng thú khi làm việc với học sinh*” (M=4,32), sau đó là “*Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của thực tập sư phạm trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm*” (M = 4,42); Và đánh giá thấp hơn ở các yếu tố: “*Được chuẩn bị tốt trước khi thực tập sư phạm: Về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, hiểu biết về học sinh và trường phổ thông*” (M = 4,16), “*Chủ động, tích cực tìm kiếm sự hỗ trợ, hướng dẫn từ giảng viên sư phạm và giáo viên ở phổ thông*” (M = 4,17).

**Bảng 5.** Đánh giá của sinh viên về bối cảnh thực tập

Các yếu tố thuộc về bối cảnh thực tập	SD	M
Các văn bản quy định, hướng dẫn công tác thực tập sư phạm cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu	3,97	1,059
Mục tiêu, nội dung và quy trình thực tập sư phạm được xác định rõ ràng và khả thi	4,17	1,057
Quy mô lớp học phù hợp để sinh viên thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy – giáo dục	4,25	1,025
Học sinh chăm ngoan, tôn trọng và hợp tác với sinh viên	4,16	1,014
Phân công người hướng dẫn có phẩm chất và năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp	4,30	0,995
Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, giáo dục đầy đủ, tiện nghi, hiện đại	4,17	1,042
Chế độ chính sách cho giảng viên và giáo viên hướng dẫn hợp lý	4,03	1,159
Cộng đồng dân cư có điều kiện kinh tế xã hội phát triển	3,99	1,086
Thời điểm thực tập sư phạm hợp lý	4,09	1,047
Số lượng giáo sinh trong đoàn thực tập sư phạm phù hợp	4,17	1,031
Thời lượng dành cho thực tập sư phạm hợp lý	4,27	1,022
Tạo môi trường tích cực cho sinh viên phát huy tính tích cực, chủ động	4,25	1,020

Về các yếu tố về bối cảnh thực tập, sinh viên đánh giá cao các yếu tố: “*Phân công người hướng dẫn có phẩm chất và năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp*” (M = 4,30), thứ hai là “*Thời lượng dành cho thực tập sư phạm hợp lý*” (M = 4,27), thứ ba “*Quy mô lớp học phù hợp để SV thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy – giáo dục*” (M = 4,25), và “*Tạo môi trường tích cực cho sinh viên phát huy tính tích cực, chủ động*” (M = 4,25); và đánh giá thấp hơn ở các yếu tố: “*Chế độ chính sách cho giảng viên và giáo viên hướng dẫn hợp lý*” (M = 4,03), “*Cộng đồng dân cư có điều kiện kinh tế xã hội phát triển*” (M = 3,99).

#### 4.2. Sự khác biệt về đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm theo ngành học

Để xác định sự khác biệt về đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm theo ngành học, nhóm tác giả sử dụng kiểm định One-Way ANOVA. Kết quả Bảng 6 cho thấy, không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê điểm đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm: Giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập; Sinh viên thực tập; Giáo viên phổ thông/mầm non hướng dẫn thực tập; Bối cảnh thực tập ( $p > 0,05$ ).

**Bảng 6.** Sự khác biệt mức độ đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm theo ngành học

Các yếu tố liên quan đến thực tập sư phạm	KHTN (N=69)	KHXH (N=66)	GDTH (N=17)	GDMN (N=21)	P
Giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập	4,52 ± 0,63	4,32 ± 0,64	4,49 ± 0,58	4,30 ± 0,64	0,097
Giáo viên phổ thông/ mầm non hướng dẫn thực tập	4,14 ± 1,11	3,96 ± 1,06	4,06 ± 1,04	3,93 ± 1,04	0,117
Sinh viên thực tập	4,40 ± 1,03	4,27 ± 0,97	4,18 ± 1,01	4,22 ± 0,98	0,057
Bối cảnh thực tập	4,12 ± 1,20	4,34 ± 1,17	4,30 ± 1,17	4,26 ± 1,15	0,110

Ghi chú: Nhóm ngành: KHTN: Khoa học tự nhiên; KHXH: Khoa học xã hội; GDTH: Giáo dục Tiểu học; GDMN: Giáo dục Mầm non

**Bảng 7.** Sự khác biệt mức độ đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm theo cấp thực tập

Các yếu tố liên quan đến thực tập sư phạm	THPT (N=87)	THCS (N=49)	TH (N=16)	MN (N=21)	P
Giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập	4,35 ± 0,89	4,14 ± 0,64	4,23 ± 0,87	4,11 ± 0,87	0,769
Giáo viên phổ thông/ mầm non hướng dẫn thực tập	4,31 ± 1,98	4,16 ± 1,06	4,36 ± 1,85	3,13 ± 0,88	0,827
Sinh viên thực tập	4,41 ± 1,00	4,25 ± 0,97	4,18 ± 1,04	4,23 ± 0,99	0,862
Bối cảnh thực tập	4,12 ± 1,20	4,34 ± 1,17	4,30 ± 1,17	4,26 ± 1,15	0,910

Ghi chú: THPT: Trung học phổ thông; THCS: Trung học cơ sở; TH: Tiểu học; MN: Mầm non

Sử dụng kiểm định One-Way ANOVA để xác định sự khác biệt về đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm theo cấp thực tập. Kết quả Bảng 7 cho thấy, không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê ở tất cả các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm: Giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập; Sinh viên thực tập; Giáo viên phổ thông/mầm non hướng dẫn thực tập; Bối cảnh thực tập ( $p > 0,05$ ).

### 5. Thảo luận kết quả

Đây là nghiên cứu đầu tiên ở sinh viên Trường ĐHSP - ĐHQĐN về xác định mức độ đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm. Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng hầu hết sinh viên đánh giá cao các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm ( $M=4,23$ ). Các yếu tố thuộc về người hướng dẫn ở trường sư phạm và trường phổ thông được sinh viên đánh giá cao như: Ý thức và trách nhiệm trong hướng dẫn thực tập; Nhiệt tình, quan tâm, động viên sinh viên trong quá trình thực tập; Kinh nghiệm hướng dẫn sinh viên thực tập; Am hiểu thực tiễn giáo dục ở trường phổ thông/mầm non; Đánh giá công bằng, khách quan, chính xác, đúng năng lực của sinh viên. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa giáo viên phổ thông/mầm non và giảng viên sư phạm trong hỗ trợ và đánh giá sinh viên; Tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên kịp thời, cụ thể và hiệu quả; Hay kinh nghiệm trong giảng dạy và hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm... là những yếu tố được sinh viên đánh giá thấp hơn. Các yếu tố thuộc về sinh viên thực tập như nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của thực tập sư phạm; kiên trì, cố gắng, tích cực trong quá trình thực tập... được sinh viên đánh giá cao; nhưng yếu tố được chuẩn bị tốt trước khi thực tập sư phạm: Về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, hiểu biết về học sinh và trường phổ thông/mầm non được sinh viên đánh giá thấp hơn. Các yếu tố thuộc về bối cảnh thực tập như: Phân công người hướng dẫn có phẩm chất và năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp; Thời lượng dành cho thực tập sư phạm hợp lý... được sinh viên đánh giá cao. Song, yếu tố các văn bản quy định, hướng dẫn công tác thực tập sư phạm cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu; Chế độ chính sách cho giảng viên và giáo viên hướng dẫn hợp lý... được sinh viên đánh giá thấp hơn.

Kết quả so sánh sự khác biệt về đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm theo ngành học và cấp thực tập không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê. Điều này có nghĩa, sinh viên dù học ở ngành học nào, và đi thực tập ở cấp học nào thì yếu tố thuộc về người hướng dẫn, thuộc về sinh viên và bối cảnh không có sự khác biệt.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, để nâng cao chất lượng thực tập sư phạm, Trường ĐHSP và các trường phổ thông cần tăng cường sự phối hợp giữa giáo viên phổ thông và

giảng viên sư phạm trong hỗ trợ và đánh giá sinh viên; Phát hiện những khó khăn và tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời, cụ thể và hiệu quả hơn cho sinh viên; Phân công giảng viên và giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy, chủ nhiệm lớp, cũng như kinh nghiệm hướng dẫn thực tập hướng dẫn sinh viên; Có chế độ chính sách hợp lý hơn đối với giáo viên hướng dẫn thực tập; Chú trọng hơn đến việc hình thành phẩm chất và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của sinh viên trong quá trình đào tạo; Nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên đối với hoạt động thực tập sư phạm; Phổ biến cho sinh viên rõ các văn bản quy định, hướng dẫn công tác thực tập sư phạm.

### 6. Kết luận

Nghiên cứu tự đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên Trường ĐHSP - ĐHQĐN cho thấy, nhìn chung sinh viên đánh giá cao các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm. Trong đó, yếu tố thuộc về giảng viên sư phạm hướng dẫn thực tập được sinh viên đánh giá cao nhất, tiếp đến là yếu tố thuộc về sinh viên, giáo viên phổ thông hướng dẫn thực tập, và thấp nhất là yếu tố thuộc về bối cảnh thực tập. Nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt ý nghĩa thống kê về đánh giá của sinh viên đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng thực tập sư phạm theo ngành học và cấp thực tập. Nghiên cứu này bổ sung thêm kiến thức và bằng chứng sẵn có cho Trường ĐHSP - ĐHQĐN và các cơ sở giáo dục phổ thông/mầm non có những cải thiện nhằm nâng cao chất lượng thực tập sư phạm, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên chất lượng thực tập của sinh viên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N.T.T. Hằng, Đ. T. P. Thuý, N. T. P. Hoa, “Về thực tập sư phạm của sinh viên hệ sư phạm Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, 25, 2009, 46-51.
- [2] C. Manathunga, “Supervision as mentoring: the role of power and boundary crossing”, *Studies in Continuing Education*, 29(2), 2007, 207-222.
- [3] V. Lamanuskas, R. Makarskaitė-Petkevičienė, V. Lukavičienė, “The development of pedagogical internship: mentor or and student activity and experience aspects”, *Bulgarian Journal of Science and Education Policy (BJSEP)*, 10(2), 2016, 250-272.
- [4] B. Autukevičienė. “Mentor’s professional competences and their expression in supervising students’ practice in pre-school educational institutions”, PhD thesis. Vilnius, LEU, 2012.
- [5] M. G. Sơn, *Quản lý thực tập sư phạm trong đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo định hướng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016.
- [6] L. T. Giang, “Quản lý hoạt động thực tập sư phạm của sinh viên trường đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Giáo dục*. Số 75, 2015, 19-37.
- [7] Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, “Quyết định số 1639/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập Sư phạm trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy”, 2020.